

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV QLKT công trình thủy lợi Sơn La thực hiện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 2891/QĐ-BNN-TL ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 85/TTr-SNN ngày 08 tháng 3 năm 2021, Công văn số 1232/SKHĐT-ĐTTĐGGS ngày 12 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV QLKT công trình thủy lợi Sơn La thực hiện (có định mức kèm theo).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động - Thương binh và Xã hội; các Sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng thực hiện định mức này theo quy định;

2. Chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác của số liệu trong quá trình thẩm định và nội dung trình UBND tỉnh theo quy định, chủ động giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế triển khai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Công ty TNHH MTV QLKT công trình thủy lợi Sơn La; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, *Mạnh KT*, 10 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2891/QĐ-BNN-TL ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ TCVN 8414:2010 – Công trình thủy lợi – Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước;

Căn cứ TCVN 8416:2010 – Công trình thủy lợi – Quy trình quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng trạm bơm;

Căn cứ TCVN 8418:2010 – Công trình thủy lợi – Quy trình quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng cống;

Căn cứ TCVN 9164:2012 – Công trình thủy lợi – Hệ thống tưới tiêu – Yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống kênh;

Căn cứ TCVN 9168:2012 – Công trình thủy lợi – Hệ thống tưới tiêu – Phương pháp xác định hệ số tưới lúa;

Căn cứ hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi, máy móc thiết bị, phương tiện quản lý, cơ cấu tổ chức của công ty TNHH MTV QLKT công trình thủy lợi Sơn La.

Căn cứ các Thông tư, quy trình, quy phạm, các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan khác.

II. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

1. Định mức lao động và đơn giá tiền lương

a) Định mức lao động

TT	Loại sản phẩm dịch vụ thủy lợi	Đơn vị	Định mức
1	Tưới tiêu quy đổi về tưới lúa chủ động	công/ha	2,638
2	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn, ngoại thị	công/nội dung công việc	640,32
3	Cấp nước tưới cây công nghiệp cho HTX và doanh nghiệp	công/1000m ³	1,576
4	Cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp	công/1000m ³	1,688
5	Nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa nước	công/ha	2,973
6	Kết hợp phát điện	công/năm	7.504,1

b) Đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm

TT	Loại sản phẩm dịch vụ thủy lợi	Đơn vị	Đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm
1	Tưới tiêu quy đổi về tưới lúa chủ động	đồng/ha	524.477
2	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn, ngoại thị	đồng/nội dung công việc	127.302.556
3	Cấp nước tưới cây công nghiệp cho HTX và doanh nghiệp	đồng/1000m ³	313.295
4	Cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp	đồng/1000m ³	335.680
5	Nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa nước	đồng/ha	591.015
6	Kết hợp phát điện: Đồng/đồng doanh thu (% giá trị sản lượng điện thương phẩm)	%	2,98

2. Định mức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Định mức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bằng 1,581% nguyên giá tài sản cố định.

3. Định mức sử dụng nước tưới mặt ruộng ứng với tần suất 85%

TT	Đối tượng sử dụng nước	Đơn vị	Định mức
1	Lúa vụ chiêm xuân	m ³ /vụ	7.030
2	Lúa vụ mùa	m ³ /vụ	4.397

4. Định mức tiêu hao điện năng cho bơm tưới ứng với tần suất 85%

TT	Đối tượng sử dụng	Đơn vị	Định mức
1	Lúa vụ chiêm xuân	Kw/ha/vụ	309,15
2	Lúa vụ mùa	Kw/ha/vụ	193,36

5. Định mức tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu cho vận hành, bảo dưỡng máy móc, thiết bị công trình thủy lợi

TT	Sản phẩm dịch vụ thủy lợi	Dầu nhờn (lít/năm)	Diezel (lít/năm)	Mỡ các loại (kg/năm)	Giẻ lau (kg/năm)	Sợi Amiang (kg/năm)
1	Tưới tiêu nông nghiệp (100ha)	2,351	1,645	3,511	3,750	0,0698
2	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn, ngoại thị (nội dung công việc)	25,22	7,98	11,84	9,0	
3	Cấp nước tưới cây công nghiệp cho HTX và doanh nghiệp (1000m ³)	0,0158	0,0109	0,0231	0,0246	0,0005
4	Cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp (1000m ³)	0,0169	0,0116	0,0247	0,0263	0,0005
5	Nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa nước (100ha)	2,9724	2,0471	4,3523	4,6355	0,0858
6	Kết hợp phát điện (năm)	75,03	51,67	109,87	117,02	2,16

6. Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp

Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp bằng 17,46% tổng quỹ tiền lương kế hoạch.

7. Định mức thu sản phẩm dịch vụ thủy lợi kết hợp phát điện

- Giá tối thiểu (không tính lợi nhuận): 8,67% (đồng/đồng doanh thu).
- Giá tối đa: 9,54% (đồng/đồng doanh thu).

III. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

1. Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính hàng năm của đơn vị và là cơ sở để xây dựng đơn giá đặt hàng, giao kế hoạch, xác định giá gói thầu quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi là căn cứ để nghiệm thu, thanh quyết toán chi phí quản lý, khai thác công trình thủy lợi cho đơn vị khai thác khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi là căn cứ để lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng lao động, kế hoạch tài chính hàng năm của đơn vị khai thác. Định mức là căn cứ để sắp xếp và sử dụng lao động hợp lý nhằm nâng cao năng suất lao động, tinh gọn bộ máy; là cơ sở để thực hiện cơ chế khoán trong đơn vị khai thác nhằm gắn quyền lợi với trách nhiệm và kết quả lao động của người lao động.

4. Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi được tính toán trong điều kiện bình thường với hiện trạng công trình, máy móc thiết bị và cơ cấu tổ chức hiện có của Công ty TNHH MTV QLKT công trình thủy lợi Sơn La. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có sự thay đổi, khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo qua Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

5. Bảng quy đổi diện tích tưới tiêu về tưới lúa chủ động

TT	Nội dung công việc	Tưới chủ động		Tạo nguồn	
		Động lực	Trọng lực	Động lực	Trọng lực
1	Tưới tiêu cho lúa	1	1		
2	Tưới cho cây công nghiệp ngắn ngày, rau màu		0,4		
3	Tưới cho cây công nghiệp dài ngày, hoa, dược liệu		0,8		0,32
4	Cấp nước nuôi trồng thủy sản		1,97		

=====